

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2022/HS-PT
Ngày 27 tháng 5 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán:

Ông Mai Anh Tài;

Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 07 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 403/2021/HS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Văn T (tên gọi khác là T1), sinh ngày 14/7/1984 tại thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Đồng M, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số 1402, đường Quốc lộ 6, tổ 3, phường Đồng M, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Đoàn thể, Đảng phái: không; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V; Vợ tên là Nguyễn Thị H1, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; Danh chỉ bản số 000000192, lập ngày 14/5/2021 tại Phòng cảnh sát kinh tế Công an thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có bị cáo Nguyễn Quang C, các bị hại, người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội nhận được đơn trình báo của ông Nguyễn Hồng K (sinh năm: 1989; trú tại: Phòng 514, CT1C, chung cư Thông T xã Việt N, phường Đại K, Hoàng Mai, Hà Nội; là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CPXD và Dịch vụ Việt Nam tổ giám Nguyễn Quang C (Giám đốc công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng TCP Việt Nam; MST: 01076.63497; Trụ sở công ty: số 76/241, đường Liên M, phường Liên M1, Bắc Từ L2, Hà Nội) có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc ký hợp đồng thuê các tấm tôn dùng để trải đường cho xe trọng tải lớn ra vào công trình xây dựng, sau đó chiếm đoạt bằng cách đem bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

Quá trình điều tra xác định:

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng TOP Việt Nam được Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107663497; Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang C; Trụ sở công ty: số 76/241, đường Liên M, phường Liên M1, Bắc Từ L2, Hà Nội; Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao....

Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, với mục đích chiếm đoạt tài sản thông qua việc ký hợp đồng thuê tôn trải đường của các công ty và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu lấy tiền, từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2019, Nguyễn Quang C đã vào trang mạng Internet và tìm kiếm thông tin, số điện thoại của các doanh nghiệp có tôn trải đường cho thuê và các cơ sở thu mua phế liệu. Sau đó, C liên hệ với các cơ sở thu mua phế liệu rao bán các tấm tôn trải đường để nhận tiền đặt cọc và sử dụng số tiền này để đặt cọc cho bên cho thuê tôn. Khi ký hợp đồng thuê tôn với các doanh nghiệp, C đưa ra thông tin gian dối là công ty của C đang thi công các công trình xây dựng và cần thuê tôn trải đường cho xe tải trọng lớn ra vào công trường mục đích để các công ty tin tưởng và ký hợp đồng. Bằng thủ đoạn gian dối trên, từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2019, Nguyễn Quang C đã ký Hợp đồng thuê tôn với 05 công ty và chiếm đoạt tổng số 93 tấm tôn trải đường, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt 15 tấm tôn của Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ Việt Nam:

Khoảng tháng 3/2019, Nguyễn Quang C liên hệ với Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam để thuê tôn tấm trải đường. Ngày 21/3/2019, Nguyễn Quang C ký Hợp đồng kinh tế số 2103/2019/HĐKT/DVVN-TOP VN với Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam để thuê 20 tấm tôn, đơn giá 80.000đ/tấm/ngày, thời gian trong 60 ngày để phục vụ 02 công trình: Nhà ở Phúc L3 tại quận Long B, Hà Nội và huyện Văn G, Hưng Yên. Sau khi ký hợp đồng, C đặt cọc trước số tiền 50.000.000 đồng cho công ty và thuê xe tải đến kho của Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam tại Km8, đường Láng Hòa Lạc để nhận trước 10 tấm tôn, C ký biên bản giao nhận hàng hóa với tên “Nguyễn Quang C, CMT: 001085013091” là Trưởng ban dự án.

Ngày 12/4/2019, C tiếp tục thuê xe tải đến kho của Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam tại km8, đường Láng Hòa L để nhận 5 tấm tôn và ký biên bản giao nhận với Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam.

Sau khi nhận được số tôn của Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam cho thuê, C bán lại cho một đối tượng tên “H3” là người thu mua phế liệu và một đối tượng tên “P” thu mua phế liệu tại Yên Phong, Bắc Ninh với giá khoảng 9.000đ/kg. Thông tin về đối tượng “H3” và “P” là do C tìm hiểu trên mạng xã hội (hiện không xác định được tên, địa chỉ cụ thể). Tổng số tiền bán tôn được 140.000.000 đồng, sau khi trừ tiền đặt cọc, C hưởng lợi 90.000.000 đồng.

Đến tháng 5/2019, anh Kiên biết việc tôn tấm trải đường của công ty đang được mua bán trên thị trường nên đã liên hệ với Nguyễn Quang C để yêu cầu trả lại nhưng không liên hệ được.

Nguyễn Quang C đã thuê của Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam tổng số là 15 tấm, Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam xác định giá trị là 25.000.000 đồng/tấm, tổng giá trị 375.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hồng Kyêu cầu Nguyễn Quang C bồi thường và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở Tài chính TP Hà Nội kết luận định giá trị tài sản là 15 tấm tôn của Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam trị giá 292.751.550 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt 10 tấm tôn của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng IPC (tên cũ Công ty TNHH MTV kỹ thuật nền móng quốc tế IPC):

Tháng 3/2019, Nguyễn Quang C liên hệ với Công ty TNHH MTV kỹ thuật nền móng quốc tế IPC để thuê tôn tấm trải đường phục vụ thi công tại dự án nhà ở Phúc lợi – quận Long Biên, Hà Nội. Ngày 22/3/2019, C ký hợp đồng số 2203/2019/HĐKT với Công ty TNHH MTV kỹ thuật nền móng quốc tế IPC, thuê tôn tấm với giá 60.000đ/tấm/ngày, thời gian thuê 60 ngày. Cùng ngày, C thuê xe ô tô đến kho vật tư của Công ty nền móng quốc tế IPC tại khu vực Km8+600 đường Láng Hòa Lạc, Hà Nội để nhận 07 tấm tôn kích thước 6170mm x 1540mm x 18mm; 02 tấm tôn kích thước 6000mm x 1670mm x 19mm; 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 22mm, tổng số là 10 tấm tôn. C đặt cọc cho Công ty IPC số tiền 36.000.000 đồng. Sau khi nhận được 10 tấm tôn C bán cho cơ sở thu mua phế liệu của Nguyễn Văn T được 85.000.000 đồng.

Đến ngày 22/5/2019 khi hết thời hạn thuê theo hợp đồng, anh Cương liên lạc với C nhưng không được. Qua thông tin, anh Cương biết Nguyễn Quang C đã thuê tôn của nhiều Công ty khác để bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Anh Cương đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan điều tra. Công ty TNHH MTV kỹ thuật nền móng quốc tế IPC xác định 10 tấm tôn trị giá là 223.072.000 đồng. Anh Cương yêu cầu Nguyễn Quang C bồi thường và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở Tài chính TP Hà Nội kết luận định giá trị tài sản là 10 tấm tôn của Công ty TNHH MTV kỹ thuật nền móng quốc tế IPC trị giá 188.210.250 đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt 32 tấm tôn của Công ty cổ phần phát triển công nghệ nền móng Thăng Long (gọi tắt là Công ty Thăng L5):

Khoảng tháng 5/2019, Nguyễn Quang C liên hệ với Công ty Thăng L5 để thuê tôn tấm trải đường sử dụng cho các công trình có xe ô tô tải trọng lớn ra vào công trường. Ngày 07/5/2019, Nguyễn Quang C ký Hợp đồng kinh tế số 0705/2019/HĐKT/TL-TOP với Công ty Thăng L5, nội dung: C thuê 32 tấm tôn

trải đường của Công ty Thăng L5, trong thời gian 30 ngày cho công trình tại khu đô thị Việt H - Long B và Khu đô thị Lộc N, Chương M.

Sau khi ký hợp đồng, Nguyễn Quang C đã nhiều lần sử dụng xe tải đến kho của Công ty Thăng L5 tại số 68A phố Linh Đ, phường Hoàng L, Hoàng M, Hà Nội để nhận tôn thuê, các lần nhận đều có biên bản giao vật tư, thiết bị, cụ thể:

- Ngày 07/5/2019, thuê 04 tấm tôn kích thước 6000mm x 1550mm x 22mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1550mm x 18mm, tổng số 05 tấm tôn;
- Ngày 13/5/2019, thuê 02 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 22mm, 02 tấm tôn kích thước 6000mm x 2000mm x 20mm, tổng số 04 tấm tôn;
- Ngày 15/5/2019, thuê 02 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1520mm x 20mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 18mm; tổng số 04 tấm tôn;
- Ngày 22/5/2019, thuê 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1700mm x 22mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 22mm, 03 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm, tổng số 05 tấm tôn;
- Ngày 27/5/2019, thuê 04 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 22mm;
- Ngày 29/5/2019, thuê 02 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1320mm x 20mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1580mm x 22mm, 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 22mm, tổng số 05 tấm tôn;
- Ngày 31/5/2019, thuê 05 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 18mm.

C đã thuê của Công ty Thăng L5, tổng số là 32 tấm tôn, đã đặt cọc cho Công ty Thăng L5 tổng số tiền 135.000.000 đồng (trong đó 75.000.000 đồng được ghi trong các giấy biên nhận, còn lại 60.000.000 đồng không có giấy tờ biên nhận). Sau khi nhận được tôn C bán cho một đối tượng tên Hoàng theo số điện thoại đăng trên mạng, không nhớ được bao nhiêu tiền, C không biết cụ thể họ, tên, địa chỉ của Hoàng.

Khoảng tháng 6/2019, qua thông tin, anh Tư biết tôn tấm của Công ty Thăng L5 đang nằm rải rác tại khu vực Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc và Đông Anh, Hà Nội do tôn tấm có ký hiệu TL trên góc. Anh Tư liên hệ với Nguyễn Quang C yêu cầu trả lại số tôn đã thuê nhưng C khất lần.

Công ty Thăng L5 xác định 32 tấm tôn trị giá là 678.240.000 đồng. Anh Nguyễn Duy Tư yêu cầu Nguyễn Quang C bồi thường và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở Tài chính TP Hà Nội kết luận định giá trị tài sản là 32 tấm tôn của Công ty Thăng L5 trị giá 646.594.785 đồng.

4. Hành vi chiếm đoạt 21 tấm tôn của Công ty cổ phần nền móng Việt Nam:

Tháng 5/2019, Nguyễn Quang C liên hệ với Công ty CP nền móng Việt Nam để thuê tôn tấm trải đường. C lấy lý do thuê cho công trình của công ty đang thi công tại khu vực Chúc Sơn, Chương M, Hà Nội và Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội. Ngày 16/5/2019, Nguyễn Quang C ký hợp đồng số

16.05/2019/HĐKT/NWVN-TVN với Công ty CP nền móng Việt Nam để thuê tôn tấm trải đường với giá 60.000đ/tấm/ngày. Công ty CP nền móng Việt Nam đã 4 lần giao tôn cho C tại khu vực Chúc Sơn, Chương M, Hà Nội và khu vực Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội với tổng số 21 tấm tôn, cụ thể:

- Ngày 16/5/2019, giao 05 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm;

- Ngày 23/5/2019, giao 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm và 04 tấm tôn kích thước 1500mm x 6000mm x 22mm; tổng số 05 tấm tôn;

- Ngày 28/5/2019, giao 02 tấm tôn kích thước 6000mm x 2000mm x 20mm và 04 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm; tổng số 06 tấm tôn;

- Ngày 02/6/2019, giao 05 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 20mm.

Nguyễn Quang C đã thuê của Công ty CP nền móng Việt Nam tổng số là 21 tấm tôn, đã đặt cọc cho Công ty CP nền móng Việt Nam tổng số tiền là 96.000.000 đồng trên các biên bản giao nhận vật tư ngày 16/5/2019, 23/5/2019 và ngày 02/6/2019.

Nguyễn Quang C khai số tôn C chiếm đoạt của Công ty CP nền móng Việt Nam đã bán cho cơ sở thu mua phế liệu của Nguyễn Văn T và Phạm Văn K được tổng số tiền 204.000.000 đồng, đặt cọc hết 96.000.000 đồng.

Sau đó, qua thông tin từ các công ty cho thuê vật tư khác, ông Dũng được biết Nguyễn Quang C có thủ đoạn thuê tôn của các công ty sau đó bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu để hưởng lợi nên ông Dũng đã làm đơn tố giác đến Cơ quan điều tra. Công ty CP nền móng Việt Nam xác định 21 tấm tôn trị giá là 489.604.500 đồng, ông Dũng yêu cầu Nguyễn Quang C bồi thường và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở Tài chính TP Hà Nội kết luận định giá trị tài sản là 21 tấm tôn của Công ty CP nền móng Việt Nam trị giá 420.932.700 đồng.

5. Hành vi chiếm đoạt 15 tấm tôn của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo C (gọi tắt là Công ty Bảo C):

Ngày 18/5/2019, Nguyễn Quang C mạo danh lấy tên là “Nguyễn Văn N1” thuộc Công ty TOP Việt Nam và liên hệ với Công ty Bảo C để thuê tôn thi công công trình tại huyện Chương M, Hà Nội. Sau khi thỏa thuận, Công ty Bảo C đồng ý cho C (Nam) thuê 04 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 16 mm; 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 2000mm x 16mm, tổng số là 05 tấm tôn, đặt cọc trước cho Công ty Bảo C số tiền 20.000.000 đồng (không có hợp đồng, chỉ có biên bản giao nhận vật tư). Cùng ngày, Công ty Bảo C cử lái xe là anh Phùng Văn G(cư trú: Thôn Đồng B, xã Đồng T, Ba V, Hà Nội) đi giao tôn cho C (Nam) tại khu vực Lộc Linh, Chương M, Hà Nội. Sau đó, C liên hệ với Nguyễn Văn T nhờ T mạo danh là nhân viên Công ty TOP Việt Nam của C, ứng trước tiền đặt cọc thuê tôn, sau đó sẽ bán tôn cho C.

Nguyễn Văn T biết số tôn nhận ngày 18/5/2019 là tôn do C thuê của Công ty Bảo Châu, nhưng T đã giúp C nhận tôn thuê sau đó bán để hưởng lợi. Khi anh Giáp giao tôn, T nhận tôn tại bãi đất trống khu vực xã Lộc L, Chương

M, Hà Nội và ký mạo tên là “Nguyễn Mạnh Kiên” - nhân viên của Công ty TOP Việt Nam để nhận tôn và giao cho anh Giáp số tiền 20.000.000 đồng là tiền đặt cọc thuê tôn. T ký nhận mua 5 tấm tôn của Công ty Bảo C với giá 9.000đ/kg, trọng lượng 5 tấm tôn khoảng 7 T, tổng số tiền khoảng 63.000.000 đồng. Ngày hôm sau, T bán lại 05 tấm tôn trên cho khách vắng lai (không rõ thông tin địa chỉ) với giá 9.700đ/kg, tổng số tiền bán tôn là 67.900.000 đồng, lãi 4.900.000 đồng. T chia cho Phạm Văn K (sinh năm 1972; trú tại: TDP Phú M, phường Biên G, Hà Đ, Hà Nội; là người cùng kinh doanh cơ sở thu mua phế liệu với T) số tiền 2.450.000 đồng là tiền lãi, T hưởng lợi 2.450.000 đồng.

Cùng ngày, T nộp vào tài khoản của C số tiền 43.000.000 đồng sau khi trừ 20.000.000 đồng là số tiền T đã ứng trước cho C (T không nhớ cụ thể số tài khoản của C, không nhớ địa chỉ cửa hàng Viettel Post mà T đã thực hiện giao dịch, không lưu giữ biên lai giao dịch).

Ngày 20/5/2019, C tiếp tục mạo danh và lấy tên là “Nam” để liên hệ với Công ty Bảo C và thuê thêm 05 tấm tôn của công ty Bảo C gồm 03 tấm tôn kích thước 6000mm x 2000mm x 16 mm; 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1500mm x 16mm; 01 tấm tôn kích thước 6000mm x 1100mm x 16 mm, đặt cọc trước 20.000.000 đồng là tiền thuê tôn. Anh Giáp giao 5 tấm tôn cho C tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội theo yêu cầu của C. C nhận tôn và ký tên là “Nguyễn Quang N” - Giám đốc Công ty TOP Việt Nam tại biên bản giao nhận vật tư, đưa cho anh Giáp số tiền 20.000.000 đồng là tiền đặt cọc thuê tôn và 5.000.000 đồng tiền công lái xe của anh Giáp.

Ngày 25/5/2019, C tiếp tục lấy tên là “Nam” và liên hệ với Công ty Bảo C để thuê thêm 05 tấm tôn. Công ty Bảo C cho C thuê 5 tấm tôn, kích thước 6000mm x 1500mm x 16mm và để anh Giáp giao tôn cho C tại khu vực quận Long B, Hà Nội. C nhận tôn và ký tên là “Nguyễn Văn N1” tại biên bản giao nhận vật tư nhưng không giao tiền đặt cọc thuê tôn cho anh G vì lý do chưa rút được tiền. Sau đó, công ty Bảo C đã nhiều lần liên hệ với C yêu cầu trả 20.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê tôn nhưng C khất lần không trả.

Sau khi nhận được tôn của Công ty Bảo Châu, C khai đã bán lại cho cơ sở thu mua sắt vụn của Nguyễn Văn T và Phạm Văn K với tổng số tiền là 135.000.000 đồng, hưởng lợi 95.000.000 đồng sau khi trừ tiền đặt cọc cho Công ty Bảo C tổng số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tôn C đã thuê của Công ty Bảo C là 15 tấm tôn, Công ty xác định giá trị là 237.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Minh yêu cầu Nguyễn Quang C bồi thường và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở Tài chính TP Hà Nội kết luận định giá trị tài sản là 15 tấm tôn của Công ty CP xây dựng và thương mại Bảo C có giá 246.811.590 đồng, trong đó 05 tấm tôn của Công ty Bảo C do Nguyễn Văn T nhận và bán cho Nguyễn Quang C có trọng lượng khoảng 7 T, giá trị 94.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Quang C khai: Năm 2016, C thành lập Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng TOP Việt Nam và sử dụng con dấu đã đăng ký với cơ quan chức năng. Trong quá trình sử dụng, con dấu bị mất, C đã thuê làm lại con dấu của Công ty CPĐT và xây dựng TOP Việt Nam qua mạng Internet. C cung cấp mẫu dấu đã đăng ký của Công ty để đặt làm. C không làm thủ tục

đăng ký lại mẫu con dấu này với cơ quan chức năng. Hiện nay, con dấu này cũng bị thất lạc. C đã sử dụng con dấu này đóng lên 04 hợp đồng thuê tôn và ký trực tiếp lên 04 Hợp đồng thuê tôn với 04 Công ty trên. Do cần tiền sử dụng và trả nợ, C liên hệ trước với các cơ sở thu mua phế liệu và rao bán các tấm tôn trải đường để nhận tiền đặt cọc, sau đó C dùng chính số tiền này để đặt cọc với các doanh nghiệp cho thuê tôn. Để tạo sự tin tưởng với các doanh nghiệp khi ký hợp đồng thuê tôn, C đưa ra thông tin gian dối, Công ty CPĐT và xây dựng TOP Việt Nam do Nguyễn Quang C làm Giám đốc đang thi công các công trình xây dựng cần thuê tôn trải đường cho xe tải trọng lớn ra vào công trường. Sau khi nhận được tôn tấm trải đường từ bên cho thuê, C đã bán luôn cho các cơ sở thu mua sắt vụn với giá khoảng 7.500 đồng đến 9.500 đồng/kg. Tổng số tôn C đã thuê được là 93 tấm, C đã bán số tôn trên cho các cơ sở sắt vụn, trừ tiền đặt cọc thuê tôn C hưởng lợi khoảng 516.000.000 đồng. Số tiền này, C đã sử dụng cá nhân và trả nợ hết, đến nay không còn khả năng khắc phục. Quá trình thỏa thuận mua bán tôn tấm trải đường cho cơ sở thu mua phế liệu của Nguyễn Văn T (sinh năm: 1984; trú tại: Tổ 3, phường Đồng M, Hà Đ, Hà Nội) và Phạm Văn K (sinh năm: 1972; trú tại: TDP Phú Mỹ, phường Biên Giang, Hà Đ, Hà Nội). Thời gian đầu C nói nguồn gốc số tôn của công ty C thanh lý. Sau đó, C đã nói lại với T nguồn gốc số tôn tấm là do C thuê lại, do cần tiền nên C mang bán, khi có tiền C sẽ chuộc lại hoặc mua của người khác để trả. C đã bán cho T và anh K khoảng 06 lần, tổng số khoảng 60 tấm (gồm tôn của Công ty IPC, Công ty nền móng Việt Nam và Công ty Bảo Châu), tổng số tiền bán được khoảng 500.000.000 đồng (việc mua bán giao dịch qua điện thoại, không có giấy tờ và hợp đồng mua bán).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T nhiều lần thay đổi lời khai, không thừa nhận việc trao đổi liên hệ với Nguyễn Quang C về việc bán tôn do C thuê của doanh nghiệp và chỉ xác nhận cơ sở thu mua phế liệu của T và K có mua tôn của C khoảng 3 - 4 lần (trong đó có ngày 18/5/2019, những lần khác không rõ ngày tháng), mỗi lần khoảng 4 tấm tôn, với giá từ 8.500 đồng đến 9.000 đồng/kg sau đó bán lại cho các cá nhân với giá khoảng 9.700 đồng đến 10.000 đồng/kg (không có hợp đồng, không ghi số, không có giấy biên nhận) và bán lại cho khách vãng lai tại khu vực đường Quốc lộ 6, phường Đồng M, Hà Đ, Hà Nội được hưởng lời từ 700 đồng đến 1000 đồng/kg. Do là cơ sở thu mua phế liệu nhỏ lẻ nên T và K không có sổ sách lưu trữ về việc mua bán, khi có hàng phế liệu bán, T hoặc K sẽ chủ động bán và chia đôi tiền lãi trực tiếp theo từng lần bán hàng. T xác nhận ngày 18/5/2019, T ký tên “Nguyễn Mạnh Kiên” để nhận tôn của Công ty Bảo C và đặt cọc 20.000.000 đồng thay cho C, không ký tên “Trịnh Văn K” để nhận tôn cho C.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Nguyễn Quang C với Nguyễn Văn T, kết quả Nguyễn Văn T thừa nhận: Mặc dù biết số tôn nhận ngày 18/5/2019 là tôn do C thuê của Công ty Bảo C và nhận thức được hành vi giúp C nhận tôn thuê sau đó bán để hưởng lợi là hành vi sai phạm.

Ngày 06/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở Tài chính TP Hà Nội kết luận giá tôn bán ra thời điểm từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2019 có giá 13.500đ/kg; 93 tấm tôn trải đường bị Nguyễn Quang C chiếm đoạt của 05 doanh nghiệp có tổng giá trị là 1.795.301.000 đồng, cụ thể:

- 15 tấm tôn của Công ty CP xây dựng và dịch vụ Việt Nam có giá 292.751.550 đồng;

- 10 tấm tôn của Công ty TNHH MTV kỹ thuật nền móng quốc tế IPC có giá 188.210.250 đồng;

- 32 tấm tôn của Công ty CP phát triển công nghệ nền móng Thăng Long có giá 646.594.785 đồng.

- 21 tấm tôn của Công ty CP nền móng Việt Nam có giá 420.932.700 đồng;

- 15 tấm tôn của Công ty CP xây dựng và thương mại Bảo C có giá 246.811.590 đồng, trong đó 05 tấm tôn của Công ty Bảo C do Nguyễn Văn T nhận và bán cho Nguyễn Quang C có trọng lượng khoảng 7 T , giá trị 94.500.000 đồng, (bút lục 136).

Tại bản Kết luận giám định số 7951 ngày 18/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Quang C tại Biên bản giao nhận thiết bị của Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ Việt Nam ngày 12/4/2019, ngày 21/3/2019; Biên bản giao nhận hàng hóa kiêm phiếu xuất kho của Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật nền móng quốc tế IPC ngày 22/3/2019; Biên bản bàn giao vật tư thiết bị của Công ty CP phát triển công nghệ nền móng Thăng Long ngày 07/5/2019, ngày 13/5/2019, ngày 25/5/2019, ngày 27/5/2019; Biên bản giao nhận vật tư thiết bị Vinafound ngày 2/6/2019 (Ký hiệu A2, A3, A5, A7, A8, A10, A11, A18) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Quang C trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người Ký và viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký của Nguyễn Quang C trên các hợp đồng kinh tế giữa Nguyễn Quang C và Công ty CPXD và Dịch vụ Việt Nam, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật nền móng quốc tế IPC, Công ty CP phát triển công nghệ nền móng Thăng Long, Công ty CP nền móng Việt Nam (Ký hiệu A1, A4, A6, A14) có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết của Nguyễn Quang C tại Biên bản bàn giao vật tư, thiết bị của Công ty CP phát triển công nghệ nền móng Thăng Long ngày 15/5/2019, ngày 29/5/2019, ngày 31/5/2019 (Ký hiệu A9, A12, A13).

2. Không đủ cơ sở kết luận Nguyễn Quang C có viết ra chữ ký và chữ viết dạng “N, Nguyễn Quang N” tại Biên bản giao nhận vật tư ngày 20/5/2019, 25/5/2019 (Ký hiệu A20, A21).

3. Không đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn T (“T1”) ký và viết chữ ký họ tên Trịnh Văn Kiên, Nguyễn Mạnh K trên biên bản bàn giao hàng hóa của Công ty Cổ phần nền móng Việt Nam ngày 16/5/2019, 23/5/2019, 28/5/2019 (Ký hiệu A15 đến A17).

- Không đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn T (“T1”) là người ký và viết chữ ký tên Nguyễn Mạnh K trên Biên bản giao nhận vật tư của Công ty CPXD và Thương mại Bảo C ngày 18/5/2019 (Ký hiệu A19). (bút lục 151).

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra tiếp tục trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T .

* Tại Bản kết luận giám định số 9282/KLGD-PC09-Đ4 ngày 30/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố kết luận:

Chữ ký và chữ viết dòng họ tên Nguyễn Mạnh K trên Biên bản giao nhận vật tư của Công ty CPXD và Thương mại Bảo C ngày 18/5/2019 (ký hiệu A) là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T. (bút lục 156)

* Tại bản Kết luận giám định số 3282/KLGD-P9-Đ4 ngày 05/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố kết luận:

Hình dấu tròn “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TOP VIỆT NAM” trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) với hình dấu tròn mẫu so sánh “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TOP VIỆT NAM” không phải là hình dấu của cùng một con dấu (bút lục 154)

Xác minh tại UBND huyện Văn Giang, Hưng Yên; UBND phường Đức Giang, Long Biên; UBND phường Phúc Lợi, Long Biên; UBND thị trấn Chúc Sơn, Chương M xác định: Từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019, Công ty CPĐT và xây dựng TOP Việt Nam do Nguyễn Quang C làm giám đốc không thực hiện bất kỳ dự án nào trên địa bàn phường Đức G, phường Phúc L, thị trấn Chúc S, huyện Văn Giang như thông tin Nguyễn Quang C đưa ra trong các hợp đồng thuê tôn.

Đối với Phạm Văn K, quá trình điều tra xác định: K không biết việc C thuê tôn của các doanh nghiệp sau đó bán cho cơ sở của K. C liên hệ với anh K qua điện thoại và nói C thừa 4, 5 tấm tôn, có nhu cầu bán cho anh K. Khoảng 3, 4 lần, anh K đã mua tôn của C, mỗi lần khoảng 5 tấm tôn, tổng giá trị khoảng 200.000.000 đồng. Sau đó, anh K bán lại cho khách vắng lai hưởng lợi khoảng 500 đồng đến 700 đồng/kg. Do T và anh K cùng cơ sở thu mua nên sau khi bán được tôn, K và T cùng hưởng chung tiền lãi. Riêng ngày 18/5/2019, C trao đổi với T, sau khi bán được tôn, T chia cho anh K 2.450.000 đồng tiền lãi, anh K không biết về nguồn gốc số tiền này có được là do C và T đã bán số tôn thuê nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với K.

Đối với đối tượng H2 (trú tại: Hà Đ, Hà Nội), P (trú tại Yên P, Bắc Ninh) là những người mua tôn tấm trải đường của Nguyễn Quang C, do không có thông tin lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh về các đối tượng này.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu Nguyễn Quang C phải trả như sau: Trả cho anh Nguyễn Hồng K số tiền 242.751.550 đồng (sau khi trừ 50.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê tôn), ông Nguyễn Văn M số tiền 206.811.590 đồng (sau khi trừ 40.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê tôn), ông Đặng Trung D số tiền 324.932.700 đồng (sau khi trừ 96.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê tôn), anh Nguyễn Duy T số tiền 511.594.785 đồng (sau khi trừ 135.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê tôn), anh Nguyễn Thái Cương số tiền 152.210.250 đồng (sau khi trừ 36.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê tôn).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Apple Iphone 6S màu vàng đã qua sử dụng số imei: 35519075855943, 01 sim số 09044606936.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 403/2021/HS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Quang C và Nguyễn Văn T (tên gọi khác là T1) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang C 13 (mười ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 16 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 178/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội (đã tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bản án hình sự phúc thẩm số 134 ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bản án hình sự sơ thẩm số 100 ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội; hình phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bản án hình sự sơ thẩm số 24 ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn G, tỉnh Hưng Y; hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bản án hình sự sơ thẩm số 178 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 29 (hai mươi chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2019.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác là T1) 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và những vấn đề khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/12/202 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: do thiếu hiểu biết nên vô tình tiếp tay cho Nguyễn Quang C lừa đảo nhiều người chứ không có bàn bạc trước với C, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp tiền phạt mà bản án sơ thẩm đã quyết định, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo làm trong hạn luật định nên cần được chấp nhận để xem xét.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Quang C là kẻ chủ mưu; C không hề bàn bạc với T hoặc K (là người cùng kinh doanh sắt vụn với T) về việc C đi lừa các công ty để có tiền bán cho T và K. Tuy nhiên Nguyễn Văn T đã ký mạo danh dưới tên “K” là người của công ty của C để nhận và giúp C chiếm đoạt 05 tấm tôn nên T đã đồng phạm, giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt 5 tấm tôn của Công ty CPXD và TM Bảo Châu. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt T 03 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên xét vai trò T là người giúp sức, chiếm đoạt số tiền 74.500.000 đồng chia nhau với C. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã nộp hết khoản tiền bồi thường khắc phục hậu quả mà bản án sơ

thẩm đã quyết định; nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T đảm bảo về hình thức và trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét.

Về Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T nộp thêm tài liệu về nhân thân bị cáo luôn chấp hành pháp luật có xác nhận của chính quyền địa phương; tài liệu về việc nộp tiền bồi thường thiệt hại và án phí dân sự và hình sự sơ thẩm nên được chấp nhận để xét.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T :

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Quang C đã không kháng cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đúng như bản án sơ thẩm đã xác định, không oan.

[2.1]. Theo đó hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T (tức T1) trong vụ án này như sau:

Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Quang C là kẻ chủ mưu có ý định chiếm đoạt tài sản là các tấm tôn trải đường vào công trình của các công ty có tôn cho thuê với thủ đoạn C đưa ra thông tin gian dối là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng TOP Việt Nam do C thành lập đang thi công các công trình xây dựng cần thuê tôn trải đường cho xe tải trọng lớn ra vào công trường để ký hợp đồng thuê tôn với các công ty. Sau khi ký hợp đồng, C đặt cọc tiền để nhận tôn rồi bán cho các cơ sở thu mua phế liệu lấy tiền chi tiêu. Bằng thủ đoạn nêu trên C đã chiếm đoạt nhiều tấm tôn của nhiều công ty, sau đó bán cho nhiều người để chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 1.438.300.325 đồng.

Trong số những người đã mua các tấm tôn do C phạm tội mà có đã làm rõ được bị cáo Nguyễn Văn T (tức T1) có một hành vi bị tòa án cấp sơ thẩm quy kết là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C chiếm đoạt tài sản có giá trị 246.811.590 đồng; cụ thể như sau:

- Tháng 5/2019, C thuê của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại

Bảo C 15 tấm tôn có trị giá 246.811.590 đồng, trong đó:

+ C thỏa thuận với Nguyễn Văn T (tức T1) nhờ T mạo tên “Nguyễn Mạnh Kiên” là nhân viên Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng TOP Việt Nam để nhận từ Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo C 5 tấm tôn trị giá 94.500.000 đồng, T đã ứng trước trả hộ C 20.000.000 đồng tiền đặt cọc và nhận tôn xong T sẽ bán đi. T thỏa thuận với C 5 tấm tôn có trọng lượng khoảng 7 T, giá là 63.000.000 đồng. T biết số tôn nhận của Công ty Bảo C là do C thuê, nhưng vẫn đồng ý nhận, đặt cọc và bán được 67.000.000 đồng, giữ lại 20.000.000 đồng tiền cọc, trả C 43.000.000 đồng. Số tiền bán được tôn C, T chi tiêu cá nhân hết, chiếm đoạt của công ty Bảo C 74.500.000 đồng.

Ngoài ra, C tiếp tục thuê và nhận 10 tấm tôn có trị giá 152.311.590 đồng từ Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo Châu, đặt cọc 20.000.000 đồng để nhận tôn, sau khi nhận tôn C bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, chiếm đoạt của công ty 132.311.590 đồng nhưng không liên quan đến Nguyễn Văn T.

Tại bản án sơ thẩm đã xác định Nguyễn Quang C, Nguyễn Văn T cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm C, T nhận được các tấm tôn từ các công ty. C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chiếm đoạt 93 tấm tôn trải đường của 5 công ty có trị giá là 1.438.300.325 đồng.

Đối với Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi giúp sức cho bị cáo C chiếm đoạt 5 tấm tôn của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo C có trị giá là 74.500.000 đồng nên đã xét xử Nguyễn Quang C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và Nguyễn Văn T (tức T1) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự với vai trò giúp sức là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Trong vụ án này Nguyễn Quang C là kẻ chủ mưu; tại lời khai của C thể hiện rõ C không hề bàn bạc với T hoặc K (là người cùng kinh doanh sắt vụn với T) về việc C đi lừa các công ty để có tôn bán cho T và K. Tuy nhiên Nguyễn Văn T là đồng phạm cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt 5 tấm tôn của Công ty CP XD và TM Bảo Châu, trong đó C có vai trò là người chủ mưu, khởi xướng; T có vai trò là người giúp sức, trả tiền đặt cọc, nhận 5 tấm tôn và bán lấy tiền chia nhau với C.

Khi quyết định hình phạt đã quyết định hình phạt đối với C và tổng hợp hình phạt nay không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

- Đối với Nguyễn Văn T : bị cáo là người lao động kinh doanh phế liệu, do tham lợi nên đã giúp sức cho bị cáo chiếm đoạt của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo C số lượng 05 tấm tôn có giá trị 74.500.000 đồng là tương đối lớn. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá bị cáo: Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; Tại phiên tòa khai báo thành khẩn; Ăn năn hối cải nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội và phải liên đới bồi thường thiệt hại đối với số tài sản bị cáo có trách nhiệm là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã nộp hết khoản tiền bồi thường khắc phục hậu quả mà bản án sơ thẩm đã quyết định; nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T (tức T1) đã bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo C số tiền 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

[3]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận, không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T (tức T1);

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 403/2021/HSST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với Nguyễn Văn T (tức T1), cụ thể như sau:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác là T1) 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (27/5/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác là T1) cho Ủy ban nhân dân phường Đồng M, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02(Hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bảo Châu; 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0064044 ngày 06/4/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông